TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Phan Thị Nhã Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**

2. Bà **Phan Thị Mướt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 623/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 649/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Kim N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Kim N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh S được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, sống với nhau vào năm 2009. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 29/6/2009. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S có người phụ nữ khác bên

ngoài. Chị N khuyên rất nhiều nhưng anh S không sửa đổi. Vợ chồng thường xuyên cự cải, mâu thuẫn xảy ra nhiều hơn. Anh S còn sử dụng bạo lực gia đình, đánh chị N, Công an xã có can thiệp. Nhận thấy không còn gì để níu kéo, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Trần Kim N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 26/12/2009 và Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 07/6/2016. Hiện các con chung đang sống với chị N.

Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 26/12/2009 và Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 07/6/2016, chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

2. Bị đơn anh Nguyễn Thanh S:

Đối với bị đơn Nguyễn Thanh S đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Căn cước công dân của Trần Kim N (bản photo);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

- Giấy khai sinh Nguyễn Trần Thanh H; Trích lục khai sinh Nguyễn Trần Ngọc H1 (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Kim N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh S mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh S.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Trần Kim N và anh Nguyễn Thanh S được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/6/2009 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị N yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị N khuyên rất nhiều nhưng anh S không sửa đổi. Vợ chồng thường xuyên cự cải, mâu thuẫn xảy ra nhiều hơn. Anh S còn sử dụng bạo lực gia đình, đánh chị N, Công an xã có can thiệp. Về phía anh S là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do cũng như không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ nhận định anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị N trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Kim N.

- Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 26/12/2009 và Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 07/6/2016. Hiện các con chung đang sống với chị N.

Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 26/12/2009 và Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 07/6/2016, chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay các con chung đang sống với chị N đang phát triển và được chăm sóc tốt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu Nguyễn Trần Thanh H, Nguyễn Trần Ngọc H1, nên việc chị N yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần Thanh H, Nguyễn Trần Ngọc H1 là phù hợp nên chấp nhận. Anh S cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 26/12/2009 và Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 07/6/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn

đề xem xét giải quyết. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, riêng anh S không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0009108 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim N.

- Về hôn nhân: Chị Trần Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Chị Trần Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 26/12/2009 và Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 07/6/201. Anh Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim N phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai 0009108 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Nhã Quyên